



Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam **Báo cáo kỹ thuật**

**Kết quả đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương
và khả năng (VCA), xã Giao Long, huyện
Giao Thủy, tỉnh Nam Định**

Tổ chức nòng
Chữ Thập Đỏ



Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.

Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

Mục Lục

Nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.....	4
I.Kết quả đánh giá VCA xã Giao Long huyện Giao Thủy như sau:	5
1. Các thông tin cơ bản về xã Giao Long:	5
1.1. Vị trí địa lý:.....	5
1.2.Lịch sử thành lập:	5
1.3 Về cơ sở hạ tầng.....	6
1.4 Về sử dụng đất:.....	6
1.5 Về dân cư:.....	6
1.6 Về tình hình phát triển kinh tế , xã hội của xã:	7
1.6.1 Sản xuất Nông nghiệp.....	7
1.6.2 Cơ cấu kinh tế.....	7
1.6.3. Thực trạng phát triển các ngành sản xuất:.....	9
1.6.4. Về Văn hóa xã hội.....	10
1.6.5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	11
1.6.6 Nhà ở của dân	11
1.7 Một số đặc điểm về bộ máy tổ chức trong xã:	11
1.8 Thông tin cơ bản về hiểm họa tự nhiên và thiên tai ở địa phương.....	12
2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức theo các hợp phần:	12
2.1.Sinh kế	12
2.2.Điều kiện sống cơ bản.....	13
2.3.Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội	15
2.4.Tổ chức xã hội/ Chính quyền	16
3. Đề xuất các vấn đề cấp thiết:	16
3.1. Về sinh kế:	16
3.2. Về điều kiện sống:	17
3.3 .Nguy cơ rủi ro do thiên tai:	17
4. Phân tích hiểm họa và thảm họa	17
4.1 Các loại hiểm họa tự nhiên và xã hội	17
4.2. Tác động, thiệt hại chính.....	18
4.3.Các xu hướng:	20
4.3.1. Những xu hướng thay đổi:	20
4.3.2 Những mong đợi về khả năng thích ứng	20
4.4. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương/khả năng và rủi ro của cộng đồng trong phòng chống thiên tai, thảm họa.	21
4.4.1. Bảng tổng hợp TTDBTT và khả năng	21
4.4.2 Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương:	24
4.4.3. Về khả năng	26
9. Kết luận và đề xuất với chính quyền địa phương:	29
9.1. Nhận xét, đánh giá:	29

Giao Long, ngày 18 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA) Xã Giao Long, huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định

Thời gian đánh giá: *Từ ngày 14 đến 18 tháng 10 năm 2013*
Nhóm đánh giá VCA Hội Chủ thập đỏ Việt Nam

Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
Hồ Văn Cung	Nhóm trưởng	Hội Chủ thập đỏ tỉnh Long An
Hoàng Thị Huyền	Nhóm phó	Hội CTĐ tỉnh Nam Định
Đỗ Thị Giang Phượng	Thành viên	Hội CTĐ huyện Đức Hòa tỉnh Long An
Trần Thị Minh Hiếu	Thành viên	CTĐ huyện Vĩnh Hưng tỉnh Long An
Lê Thị Bích Hiền	Thành viên	Hội CTĐ huyện Châu Thành tỉnh Long An
Phạm Thị Lệ Thu	Thành viên	Hội Chủ thập đỏ huyện Giao Thủy, Nam Định
Ngô Phước Sánh	Thành viên	Hội Chủ thập đỏ huyện Tân Thạnh Long An
Cao Thị Giang	Thành viên	Hội CTĐ huyện Nam Trực tỉnh Nam Định
Ngô Hùng Vỹ	Thành viên	Hội CTĐ huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam định
Nguyễn Văn Hậu	Thành viên	Hội CTĐ huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định
Nguyễn Thu Hà	Thành viên	Tổ chức Winrock
Dương Anh Tuấn	Thành viên	Hội CTĐ Việt

** Lịch trình làm việc của đoàn khảo sát đánh giá tại địa phương*

- Tổ chức cuộc họp đại biểu lãnh đạo các ban ngành đoàn thể xã và lãnh đạo các xóm, đơn vị trạm y tế, trường học của xã thảo luận về tình hình tổng quát của địa phương và thống nhất kế hoạch đánh giá. Tập trung thảo luận theo nhóm nhỏ, phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức của xã đối với các vấn đề: Sinh kế, thu nhập; Điều kiện sống cơ bản; Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình và sự bảo vệ của xã hội; Tổ chức, quản lý xã hội và vẽ bản đồ hiểm họa của xã.

- Tổ chức 4 cuộc họp tại 4 cụm của xã gồm các thành phần , ngành nghề , thu nhập khác nhau, tuổi, giới tính, tôn giáo, người cao tuổi, người nghèo, người dễ bị tổn thương, người khuyết tật vv...

- Tiến hành khảo sát lát cắt, vẽ biểu đồ lát cắt , đồng thời phỏng vấn 20 hộ dân

- Tổ chức các cuộc họp nhóm đặc thù, bao gồm: Nhóm phụ nữ nghèo thảo luận về sinh kế, lương thực, sức khỏe, gia đình và các vấn đề giới; Nhóm học sinh, trẻ em trong trường tiểu học và trung học cơ sở thảo luận về vấn đề chăm sóc trẻ em, các vấn đề hiểm họa mà các em gặp phải, những nỗi lo sợ, mong muốn, ước mơ của các em được thể hiện qua hoạt động vẽ tranh; Nhóm làm nghề thu nhập thấp, người khuyết tật thảo luận về sinh kế, lương thực, sức khỏe, gia đình và các vấn đề xã hội; Nhóm người thuộc địa bàn vùng có nguy cơ cao thảo luận về các vấn đề cấp thiết của họ, phân tích nguyên nhân đề xuất giải pháp. Các nhóm xác định vấn đề làm tăng tình trạng dễ bị tổn thương, đề xuất các giải pháp và hoạt động giảm thiểu rủi ro.

- Sau khi thu thập thông tin, nhóm đánh giá tổng hợp, phân tích thông tin và họp với những người dân khác ở 4 cụm xóm để kiểm chứng. Sau đó điều chỉnh, bổ sung thông tin, soạn thảo và báo cáo kết quả đánh giá với cán bộ, ban, ngành, đoàn thể xã, lãnh đạo các thôn, xóm cùng sự tham dự của Hội CTĐ huyện, tỉnh.

I.Kết quả đánh giá VCA xã Giao Long huyện Giao Thủy như sau:

1. Các thông tin cơ bản về xã Giao Long:

1.1. Vị trí địa lý: Xã Giao Long là một xã đồng bằng ven biển thuộc huyện Giao Thủy, địa hình tương đối bằng phẳng nghiêng dần từ Bắc xuống Nam theo hướng nghiêng của đồng bằng bắc bộ, cốt đất cao trung bình không quá 0,5 mét, phía Đông Bắc giáp xã Giao Hải , phía Tây Nam giáp xã Bạch Long, phía Đông Nam giáp Biển Đông, phía Bắc giáp xã Giao Châu

Xã Giao Long hiện có 04 thôn : Trung Long, Long Hành, Nam Long, Kiên Long gồm 22 xóm

1.2.Lịch sử thành lập:

HỒ SƠ LỊCH SỬ CỘNG ĐỒNG

Năm	sự kiện	nhận xét
Năm 1941	Thành lập xã: Có tên xã là xã Quần Long - Giao Thủy - Nam Định	Nghề nghiệp chính là trồng lúa, thả cá, làm muối, đánh bắt hải sản. Dân số chủ yếu từ huyện Xuân Trường chuyển xuống (lập ấp) Nhà cửa: Chủ yếu là nhà tạm, nhà tranh đắp đất
Năm 1945	Thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa đổi tên xã thành xã Giao Long - huyện Giao Thủy - Nam Định	Như trên

Từ năm 1945 - 1955	- Nạn đói năm Ất Dậu năm 1945, chết 40 % dân số trong thôn nói riêng và xã nói chung - Cải cách ruộng đất đổi tên xã là xã Long Hải (tiền thân của xã Giao Long và Giao Hải ngày nay)	Không có sự hỗ trợ nào khác Nhà nước chia ruộng cho dân (chia theo hộ gia đình)
Năm 1956	Lại đổi tên xã thành xã Giao Long huyện Giao Thủy - Nam Định	Dân số trong xã từ 3.000 - 4.000 người
Năm 1971 - 1978	Đổi tên huyện thành huyện Xuân Thủy	Tên xã vẫn giữ nguyên là xã Giao Long
Năm 1997	Tách huyện Xuân Thủy thành 2 huyện: Giao Thủy và Xuân Trường	Tên xã vẫn giữ nguyên là xã Giao Long đến nay, dân số của xã là: 8.911 nhân khẩu

1.3 Về cơ sở hạ tầng

+ Về giao thông

Trên địa bàn xã hiện có 4,5km đường trục và 28km đường dong. Hầu hết hệ thống giao thông được mở rộng và nâng cấp bê tông hóa đến các thôn, xóm.. Xã luôn quan tâm đến công tác duy tu, sửa chữa cầu, đường giao thông nông thôn để đáp ứng cho nhiệm vụ phòng chống bão lũ trên địa bàn

+ Về thủy lợi

Thường xuyên chỉ đạo công tác tu bổ, nạo vét các kênh mương đảm bảo lưu thông và chống ách tắc dòng chảy phục vụ tưới tiêu, sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Về nhà cửa cơ quan , trường trạm:

Đa số các cơ quan, trường học, trạm y tế đều được xây dựng kiên cố đảm bảo cho nhu cầu đi lại giao dịch , học tập và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.4 Về sử dụng đất:

Giao Long có tổng diện tích đất tự nhiên là: 762,91ha

Trong đó :- Đất thổ cư : 110,5ha

- Đất nông nghiệp : 432,52 ha

- Đất nuôi trồng thủy hải sản : 85 ha

1.5 Về dân cư:

- Tổng số hộ: 2661 hộ = 8.911 người;

○ Trẻ em từ 16 tuổi trở xuống: 1920 người (nam 949; nữ 979)

○ Người lớn :7027 người. (Nam: 3444, Nữ: 3583)

- Nhóm người dễ bị tổn thương:

- o Người khuyết tật : 97 người.(Đang hưởng chế độ 67 theo qui định)
- o Tỷ lệ hộ nghèo : 237 hộ, với 783 nhân khẩu (chiếm 8,9%);
- o Tỷ lệ hộ cận nghèo: 141 hộ với 493 nhân khẩu (chiếm 5,3%);
- o Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo: 14,20%

- Tôn giáo: Xã Giao Long có.

- o Đạo Phật có: 8.061 người (đạt 90,46%)
- o Thiên chúa có 850 người (đạt 9,54%)

1.6 Về tình hình phát triển kinh tế , xã hội của xã:

1.6.1 Sản xuất Nông nghiệp :

Người dân trên địa bàn của xã chủ yếu tập trung vào trồng lúa 02 vụ mỗi năm. Vụ Chiêm từ tháng 01 đến tháng 6 và vụ Mùa từ tháng 7 đến 10, với tổng diện tích gieo cấy là 432.52ha. Tuy nhiên là vùng đất có năng suất lúa chỉ đạt trung bình **250**kg/sào. Trong khi đó theo chỉ tiêu phấn đấu của xã là 120 tạ/ha trở lên, gồm vụ chiêm xuân 2013 phấn đấu đạt bình quân 74,32 tạ/ha chiếm 56% kế hoạch năm, vụ mùa ước đạt 45,5 tạ/ha, chiếm 39.1%. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 119,82 tạ = 99,83% kế hoạch năm.

Ngoài ra, xã đã mạnh dạn chuyển đổi mục đích sản xuất từ diện tích sản xuất lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy hải sản với 100 mẫu, tương đương 36ha.

- Về nuôi trồng thủy hải sản tính đến 6 tháng đầu năm 2013 đạt 380 tấn/585 tấn, so với kế hoạch giao đạt 65%

- Về khai thác thủy hải sản: Tổng lượng khai thác trong 6 tháng đầu năm 2013 đạt 1326 tấn/2210 tấn đạt 60% kế hoạch đề ra

- Về chăn nuôi: Phát huy thế mạnh của xã về chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, thời gian qua xã đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang trang trại chăn nuôi và được xã xác định đây là mũi nhọn phát triển kinh tế bền vững của xã, với tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có là 99.100 con. Trong đó: Đàn lợn là 5.100 con, gia cầm, thủy cầm 94.000 con; Sản lượng thịt lợn xuất chuồng luôn vượt chỉ tiêu của cấp trên giao

- Các ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đang trên đà phát triển theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới, số lao động nông nghiệp được bố trí đạt 35%, số còn lại là lao động ở các lĩnh vực khác. Do đó các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đang được địa phương tập trung phát triển. Hiện tại đã mở 3 lớp dạy nghề nông thôn theo quyết định 1956 của Chính phủ và các học viên sau khi học xong đã có việc làm.

1.6.2 Cơ cấu kinh tế: Theo báo cáo năm 2012 của UBND xã, tỷ trọng cơ cấu kinh tế của xã chiếm 90% làm nông nghiệp mà chủ yếu là trồng lúa, phần còn lại là nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm, một phần rất nhỏ làm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

LỊCH THEO MÙA XÃ GIAO LONG

Mùa vụ, sự kiện xã hội & thiên tai	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trồng lúa nước												
*Vụ chiêm	Xuống giống					Thu hoạch						
*Vụ mùa								Xuống giống			Thu hoạch	
Chăn nuôi gia súc												
Gia cầm												
Lễ hội	Chủ yếu											
Cưới hỏi												
Bão												
Lũ lụt												
Rét đậm rét hại		Chủ yếu										
Dịch bệnh Ô nhiễm môi trường				Chủ yếu								

PHÂN TÍCH SINH KẾ CÁC NGÀNH NGHỀ TRONG XÃ GIAO LONG

Sinh Kế	Ai làm?	Số người làm	Thu nhập	Chính quyền có bảo hiểm hay hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm rủi ro từ sinh kế	Thiệt hại mất mát, tổn thương đã xảy ra	Các biện pháp để giảm rủi ro nguy hiểm	Các biện pháp thay thế khả thi	Nhận xét
1, Trồng lúa	Phụ nữ, nam giới	720 hộ/thôn	900.000đ/sào/năm		Bão lụt, sâu bệnh, nhiễm mặn	Năng suất giảm 60% Sâu bệnh giảm 40% năng xuất	Trừ sâu, rắc vôi tủa	Cải tạo đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thau chua rửa mặn	
2, Đi biển (đánh cá)	Nam giới	30-35% hộ	25-30 triệu/hộ/năm	Cho vay vốn Hỗ trợ dầu	Bão, gió mùa	Mất hết tài sản Chết người (2012 một người chết, 2005 một người bị)	Phải cảnh giác chú ý nắm bắt thông tin thời tiết kịp thời, chính xác Chuẩn bị phương tiện cứu hộ	Không có	

						thương)			
3, Chăn nuôi gia súc, gia cầm	Nam, nữ	100% hộ	3-5 triệu/hộ/năm	Kiểm dịch, tiêm phòng gia súc, gia cầm	Dịch bệnh,	Giảm 50% sản lượng	Tiêm phòng, cho uống thuốc và vệ sinh chuồng trại	Chuyển giống nuôi	
4, Nuôi trồng thủy hải sản	Nam, nữ	10% hộ	10-15 triệu/hộ/năm	Cho vay vốn, tập huấn kỹ thuật	Bão lụt	Giảm 60% sản lượng và 80% do dịch bệnh	Bảo vệ, chằng chống và phòng bệnh	Tìm giống mới	
5, Buôn bán nhỏ	Cả gia đình	10% hộ	10-15 triệu/hộ/năm	Cho vay vốn	Không có	Không có	Không có	Không có	
6, Thợ xây, thợ mộc	Nam, nữ	10% hộ	15-20 triệu/người/năm	Cho vay vốn	Tai nạn lao động	Chết người (ngã giáo và điện giật)	Chú ý cẩn thận	Không có	
7, Đi làm ăn xa	Nam, nữ	20% hộ	15-20 triệu/người/năm	Cho vay vốn	Tai nạn giao thông	Chết người	Bảo hiểm lao động	Không có	
8, Nghề thợ may	Nam, nữ	5% hộ	10-15 triệu/người/năm	Không có	Điện giật	Không có	Không có	Không có	
9, Trồng rau, ngô trong gia đình	Cả gia đình	100% hộ	500-1000/hộ/năm	Không có	Bão lũ, sâu bệnh,	Mất 100% sản lượng do bão lũ	Tưới, bón, phòng trừ sâu	Thay đổi giống cây trồng	
10, Nuôi cá nước ngọt	Cả gia đình	80% hộ	2-3 triệu/hộ/năm	Không có	Dịch bệnh, bão lụt	Mất 100% do lụt bão và 50% do dịch bệnh	Thay mới, vệ sinh ao hồ, vôi khử trùng	Không có	

1.6.3. Thực trạng phát triển các ngành sản xuất:

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và chương trình công tác của UBND xã năm 2012 được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Đảng Ủy, HĐND, UBND và các ngành, đoàn thể xã dựa vào tình hình thực tế, điều kiện của xã về những thuận lợi cơ bản để triển khai thực hiện các chính sách điều hành nhằm đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ nguồn tài nguyên đất đai một cách tập trung, quyết liệt nên từ đó phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của xã có bước phát triển khả quan hơn so với năm 2011.

Công tác xóa đói giảm nghèo luôn được quan tâm, an sinh xã hội được đảm bảo; cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội được tập trung đầu tư, trật tự an toàn xã hội và Quốc phòng - An ninh luôn được đảm bảo và ổn định. Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn một

số khó khăn, thách thức như: Nguồn nội lực yếu, trình độ lao động chưa theo kịp được với yêu cầu phát triển của xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo còn khá cao. Do đó trong năm 2013 xác định khả năng, tiềm lực, trọng tâm, trọng điểm để đầu tư phát triển và chuyển đổi mục đích, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Đồng thời tích cực phấn đấu khắc phục khó khăn, vượt qua mọi thử thách, đưa xã Giao Long ngày càng phát triển đi lên.

1.6.4. Về Văn hóa xã hội:

+Về y tế:

Xã đã xây dựng được trạm y tế và đạt chuẩn quốc gia về y tế, đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đảm bảo tốt công tác khám chữa bệnh cho người dân và không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Trong năm 2012 trạm y tế đã tổ chức khám và điều trị bệnh tại trạm cho 6.497 lượt người đạt 127% kế hoạch năm, trong đó khám bảo hiểm y tế cho 3.958 lượt người, khám bảo hiểm cho 1.238 lượt người nghèo, khám bảo hiểm cho trẻ em dưới 6 tuổi là 440 lượt. Cấp thuốc bảo hiểm y tế cho các đối tượng trị giá là: 76.433.000 đồng

Tổ chức tốt các chương trình y tế học đường như: Khám nha khoa, khám mắt và uống thuốc tẩy giun cho 100% học sinh theo quy định

Ngoài ra, Trạm y tế còn chú trọng đến công tác khám dự phòng một cách chặt chẽ và hiệu quả, số trẻ em và bà mẹ mang thai được tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin theo quy định, quản lý khám định kỳ cho các bệnh nhân mắc bệnh xã hội, tham mưu quản lý chăm sóc, tuyên truyền thực hiện tốt chương trình phòng chống dịch bệnh tại địa phương

+ Về Giáo dục:

Hiện nay xã có 3 trường đó là: Trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Trong năm học 2011-2012 được sự quan tâm của cấp uỷ Đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội và nhân dân trong xã nên các ngành học đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra, trong đó 2 trường chuẩn là trường mầm non và trường tiểu học đạt danh hiệu tiên tiến.

Đội ngũ giáo viên luôn được bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ và chuẩn hóa theo qui định. Năm 2012 toàn xã đã huy động 100% trẻ em trong độ tuổi đi học đến trường và có 1.482 học sinh đến lớp ở cả 3 cấp học. Trong đó Tổng số học sinh tốt nghiệp đạt 99,7% và tỉ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 đạt 82,4% xếp thứ 7 trên toàn huyện

Bên cạnh đó xã còn tổ chức xây dựng, củng cố trung tâm học tập cộng đồng và trong năm học 2011-2012 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đề nghị Bộ Giáo dục - đào tạo tặng Bằng khen

+Về văn hóa:

Xã luôn xác định công tác văn hóa và tuyên truyền là mục tiêu chính trị của địa phương nên từ đó đã triển khai thực hiện tốt Quyết định số 3350, 681, 3048/QĐ-UBND của UBND tỉnh, quy chế của huyện, của xã. Các hoạt động văn hóa của xã được duy trì, hoạt động có hiệu quả, tín ngưỡng tôn giáo đi vào nền nếp phù hợp tập

quán tín ngưỡng của nhân dân. Đài truyền thanh địa phương được phủ sóng toàn xã, thường xuyên phát thanh đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và thông tin tuyên truyền trong quần chúng nhân dân

Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” hướng tới xây dựng phong trào thôn xóm bình yên gia đình hòa thuận, giúp nhau xóa đói giảm nghèo cùng nhau phát triển từng bước ngăn chặn và đẩy lùi các hủ tục mê tín dị đoan, và các tệ nạn xã hội.

+ **Về chính sách xã hội:** Xã luôn chú trọng quan tâm đến công tác chăm sóc trợ cấp xã hội đối với những người có công với cách mạng. Hiện tại trên địa bàn có 111 đối tượng là thương bệnh binh, 162 đối tượng thân nhân liệt sỹ, 165 đối tượng bị nhiễm chất độc da cam/Dioxin, 107 đối tượng hưởng chính sách theo Quyết định 142 của Chính phủ. Ngoài ra địa phương thường xuyên rà soát, bổ sung các đối tượng theo tinh thần Nghị định 67 và Nghị định 13 sửa đổi bổ sung Nghị định 67, Thông tư 08, Thông tư 09 và nhất là chủ động tích cực trong việc rà soát, bình xét hộ nghèo theo tiêu chí mới để từ đó tạo điều kiện cho vay vốn xóa đói giảm nghèo phát triển sản xuất. Đến nay với tổng vốn vay trên địa bàn xã gần 33,7 tỉ đồng

1.6.5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

- Đa số người dân trong xã sử dụng nguồn nước từ các giếng khoan và nước mưa. Tuy nhiên, môi trường sông của người dân còn có những mối lo ngại đó là hiện tượng ô nhiễm nguồn nước bề mặt, rác thải chưa có bãi tập kết và xử lý chất thải nên hàng ngày người dân phải thải chất thải ra môi trường xuống các dòng kênh

1.6.6 Nhà ở của dân: kiên cố 1023, bán kiên cố 1622, nhà tạm, bộ 16

STT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà tạm bộ
1	Trung Long	603	203	395	5
2	Long Hành	425	150	269	6
3	Nam Long	871	350	519	2
4	Kiên Long	762	320	439	3
	Tổng số	2661	1023	1622	16

1.7 Một số đặc điểm về bộ máy tổ chức trong xã:

- Tổ chức chính quyền, các ban ngành đoàn thể từ xã đến ấp được triển khai đầy đủ, tổng số cán bộ từ xã đến xóm có 195 cán bộ, nhân viên (trong đó có 23 biên chế), làm việc thường xuyên tại trụ sở.

- Các tổ chức đoàn thể xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi vv... được tổ chức mạng lưới đến các xóm trong khu dân cư.

1.8 Thông tin cơ bản về hiểm họa tự nhiên và thiên tai ở địa phương

- Tình hình mưa bão thường xảy ra trung bình 2-3 cơn/năm và kèm theo đó là tình hình mưa lũ làm gây ảnh hưởng năng suất cây trồng và vật nuôi; dễ gây ra nguy cơ phát sinh nhiều bệnh tật đối với con người.

- Ngoài ra trong những tháng mùa mưa còn có cả giông, lốc làm hư hại nhà ở của nhân dân trong xã vì hiện nay còn khoảng 16 căn nhà tạm

- Tình hình nhiễm mặn, nước biển dâng cũng là những hiểm họa thường hay xảy ra tại địa phương trong những năm gần đây do tình hình biến đổi khí hậu.

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức theo các hợp phần:

2.1.Sinh kế

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Trồng lúa: 90% hộ gia đình. - Chăn nuôi: gia súc, gia cầm, thủy cầm và thủy sản chiếm 6%. - Khai thác thủy hải sản: 3%. - Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 1%. - Ngoài ra còn có lao động xuất khẩu (làm ôsin). - Trong sản xuất nông nghiệp đã áp dụng các loại giống mới có năng suất cao và đã đưa cơ giới hoá phục vụ sản xuất. - Thời gian sản xuất nông nghiệp: vụ chiêm từ 115-125 ngày, vụ mùa từ 105 - 115 ngày. - Thu nhập mỗi người 20 triệu đồng/năm. - Ngoài thời gian làm nông nghiệp, thời gian nông nhàn có làm nghề phụ - Khai thác thủy hải sản hiện có 75 tàu và 100 thuyền mủng. - Đã được tham gia tập huấn về quy trình thâm canh lúa 2 vụ, công tác bảo vệ thực vật, chăn nuôi gia súc gia cầm, thủy hải sản. - Có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. - Người lao động đã được vay vốn của ngân hàng NN&PTNT, ngân hàng Chính sách. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều giống lúa nhưng chất lượng chưa đảm bảo, giống còn trôi nổi; Người dân còn phải tự tìm giống lúa. - Nhiều loại vật tư nông nghiệp giá thành còn cao, không kiểm soát được. - Thuốc bảo vệ thực vật nhiều loại chất lượng còn kém; hợp tác xã không có quyền điều hành, mà do ban nông nghiệp xã điều hành. - Hệ thống thủy lợi nội đồng còn kém, phần đa do nhân dân tự đóng góp cải tạo, chưa có sự hỗ trợ từ trên. - Hệ thống cầu, đường hẹp không thuận lợi cho đi lại, vận chuyển, buôn bán. - Chưa có ngành nghề cho thanh niên, phụ nữ nên lao động còn dư thừa, thất nghiệp cao dẫn đến tệ nạn xã hội. - Tỷ lệ lực lượng lao động trẻ đi làm ăn xa cao <ul style="list-style-type: none"> - Việc hỗ trợ khôi phục phát triển kinh tế sau bão, lũ chưa được kịp thời.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi trên 60ha trồng lúa kém năng suất sang làm trang trại chăn nuôi gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Cánh đồng lúa bị trũng nên không chủ động được nước tưới tiêu.

<p>súc, gia cầm, thủy hải sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do là xã biên giới có biển nên có khả năng trong việc đánh bắt nuôi trồng hải sản. - Đang triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Do gần biển nên dễ bị mặn, chua xâm nhập ảnh hưởng lớn đến sản xuất. - Nguồn nước bị ô nhiễm gây ảnh hưởng tới chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. - Thường xuyên chịu và ảnh hưởng của bão, nước biển dâng, nhiễm mặn
--	--

2.2.Điều kiện sống cơ bản

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<p>1. Nhà ở</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà kiên cố chiếm tỷ lệ 38% + Bà con có ý thức chống chắn nhà cửa trước mùa mưa bão + Chính quyền xã tổ chức tập huấn về chằng chống nhà cửa cho bà con trong xóm. + Các hộ gia đình nghèo, khó khăn được bà con trong thôn hỗ trợ chằng chống nhà cửa + Chính sách xóa nhà tạm của Hội cựu chiến binh, Bộ đội biên phòng, nhà chữ thập đỏ (mỗi năm khoảng 5 căn) <p>2. Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có 1 trạm y tế xã, có 6 nhân viên (1 bác sỹ, 1 y sỹ, 1 nữ hộ sinh, 1 dược tá, 1 điều dưỡng, 1 đông y. + 22 xóm đều có y tá xóm. + Trạm y tế có 9 phòng chức năng, trang thiết bị tương đối đầy đủ do được tài trợ từ hội đồng hương xã tại thành phố Hồ Chí Minh. + 60-80% phụ nữ sinh nở tại trạm xá + 39 % người dân mua bảo hiểm y tế + Học sinh được mua bảo hiểm với tỷ lệ cao > 40%. + 98% trẻ em được tiêm chủng theo chương trình quốc gia + Xã có 2 cửa hàng dược phẩm đăng ký chính thức <p>3. Vệ sinh, môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> + 60% nhà vệ sinh tự hoại + Trường học có chương trình tuyên truyền cho học sinh sử dụng xà phòng, rửa tay trước khi ăn, tắm rửa vệ sinh 	<p>1. Nhà ở</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà tạm chiếm tỷ lệ 6 % <p>2. Y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trạm y tế xã chỉ chữa được bệnh thông thường, các ca nặng phải chuyển lên bệnh viện huyện. + Không có xe chuyển viện, người dân phải tự túc phương tiện. + Chỉ có dưới 10 hộ gia đình có tủ thuốc gia đình + Không được tập huấn về sơ cấp cứu <p>3.Vệ sinh, môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chưa có bãi thu gom, xử lý rác thải + 40% nhà vệ sinh chưa đạt chuẩn + Ý thức của người dân chưa tốt, xả rác bừa bãi dù đã được chính quyền địa phương tuyên truyền, nghiêm cấm. <p>4.Nước sạch</p>

<p>4. Nước sạch</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% hộ dân có giếng khoan + 100% hộ có bể chứa 5-7 khối đủ chứa nước mưa dùng cả năm (nhu cầu 3 khối/hộ/năm) <p>5. Điện</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia + 95% các hộ có phương tiện tivi, radio, thường xuyên theo dõi tin tức thiên tai + Người dân có ý thức sử dụng điện tiết kiệm. Trung bình 1 hộ < 100.000đ/tháng <p>6. Giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% đường giao thông được bê tông hóa, được bằng khen của Bộ Giao thông vận tải + Có 7 cây cầu lớn, xe 16 chỗ ra vào tốt + 70% hộ gia đình có phương tiện xe máy + Các chương trình tuyên truyền an toàn giao thông, tháng an toàn giao thông, đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn thực hiện thường xuyên có hiệu quả. <p>7. Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có 3 trường: 1 mẫu giáo, 1 Tiểu học, 1 trung học cơ sở + Các trường đều nằm ở trung tâm của xã + Có tổ chức nuôi bán trú cho học sinh mẫu giáo (50% học sinh tham gia) + 3 năm trước được hỗ trợ trang thiết bị cho trường mẫu giáo + Tỷ lệ học sinh thi đỗ đại học: Mỗi năm từ 50-60 em, 20 em đỗ cao đẳng 	<ul style="list-style-type: none"> + Chưa có nguồn nước máy. Đường nước máy cách xã 2km + Nguồn nước giếng khoan chưa được kiểm định về chất lượng nước <p>5.Điện</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống điện lưới cũ, nhiều điểm xuống cấp + Tình trạng cắt điện khá thường xuyên. Mỗi tháng 1-2 lần mỗi lần vài tiếng tới 1 ngày <p>6.Giao thông</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường giao thông nhiều đoạn xuống cấp. + Đường phía đông làng từ xóm 2-17, dài khoảng 1km xuống cấp do nước sông chảy cuốn làm sạt lở bờ đất + 1 năm có 2 vụ tai nạn giao thông (có người chết) + Đường ra vào xã chỉ có 1 con đường + Mỗi xóm có 3 cây cầu nhỏ bị xuống cấp + Thiếu kinh phí sửa chữa. + Thanh niên còn đi xe máy không đội mũ bảo hiểm <p>7.Giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường học thiếu phòng chức năng + Trường cấp 2 bị xuống cấp + Không xin được kinh phí hỗ trợ từ giáo dục huyện, chỉ xin kinh phí từ UBND xã. + Khoảng cách từ xóm lên trường cấp 3 ở huyện xa (8km). + Tỷ lệ học sinh không đỗ vào cấp 3 (chiếm 17,6%). Số lượng này chủ yếu đi học nghề, đi làm thuê, ở nhà làm ruộng.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> + Chương trình nông dân, nông thôn quy hoạch đồng ruộng, mở đường giao thông, quy hoạch sử dụng đất + Kiên cố hóa thủy nông 700-800m sông Văn Bé 20, kè 2 bên sông, giữa xóm 10,11,12 + Chương trình dân dân của chính phủ về phía Tây của xã (14 tỷ đồng) + Điện lực cấp huyện, tỉnh cải tạo lưới điện + Xây dựng bãi thu gom xử lý rác thải của xã (trị giá 2 tỷ đồng) 	<ul style="list-style-type: none"> + Ô nhiễm môi trường + Thủy lợi tiêu úng không kịp, nước thái ú đọng + Nhiễm mặn đất sản xuất do (Thảm thâu qua đất, công hồ làm thấm trực tiếp qua công, gió Nam thổi mang theo cát, hơi mặn từ biển vào đồng ruộng. Tháng 11-12 nhiễm mặn nặng nhất).

- + Đang xây dựng quy chế về đội thu gom xử lý rác thải tại các thôn.
- + Bộ LĐ-TB-XH hỗ trợ sửa nhà dành cho các hộ chính sách
- + Ra soát lại các đối tượng được bảo trợ xã hội

2.3. Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội

ĐIỂM MẠNH	ĐIỂM YẾU
<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt tình hình thiên tai qua 4 kênh: Truyền hình, truyền thanh TW, tỉnh, huyện, xã, chi thị, công văn, công điện khẩn, có 25 cụm loa trên 22 xóm - Có ban phòng chống lụt bão xã, gồm 45 người, hoạt động theo phương án của UBND xã. Được phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên - Có đội thanh niên xung kích gồm 70 người và mỗi xóm một đội gồm 30 người. - Xã được tham gia diễn tập ở cấp huyện. (Năm 2005 chính quyền xã tổ chức diễn tập 1 đợt). - Có 6 điểm di dời dân (mỗi điểm chứa khoảng 1000 người) khoảng cách từ nhà dân đến khu vực di dời là 2,5 km - Khi có thiên tai xảy ra địa phương tổ chức tuyên truyền vận động di dời các hộ dân ở vùng nguy hiểm trên địa bàn xã - Tỷ lệ nhà kiên cố là 38,4%, bán kiên cố là 61% còn lại nhà tạm chiếm 0,6%. - Người dân có tinh thần cảnh giác cao, có kinh nghiệm như chằng chống, chắn đỡ các nơi công sở, công cộng, nhà ở, cây cối...khi có bão xảy ra - Người dân có ý thức tự chuẩn bị mọi phương tiện, lương thực thực phẩm, các nhu yếu phẩm để dùng trong khi có bão xảy ra - Có tinh thần đoàn kết cộng đồng, giúp đỡ nhau nhất là những hộ neo đơn về việc phòng chống nhà cửa, bảo vệ tài sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tuyên truyền thông tin như truyền thanh, loa đài và hệ thống điện đã xuống cấp - Lực lượng ứng phó và cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng chống lụt bão còn hạn chế - Đội thanh niên xung kích chưa được tập huấn về kiến thức phòng chống lụt bão - Tổ chức các lớp diễn tập không được thường xuyên liên tục - 6 điểm di dời dân còn thiếu an toàn nên khi bão lũ xảy ra phải di dời dân sang các huyện khác với khoảng cách là 20 km gây khó khăn cho việc di chuyển khi thiên tai xảy ra - Một số người dân còn chủ quan trong việc phòng chống lụt bão, bảo vệ tài sản hơn bảo vệ sinh mạng - Tỷ lệ nhà bán kiên cố có nguy cơ sụp đổ khi có bão lớn đổ bộ - Chính quyền địa phương chưa có kinh phí hỗ trợ cho người dân về lương thực thực phẩm, phương tiện di dời và các nhu yếu phẩm trong thời gian thiên tai xảy ra.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC
<ul style="list-style-type: none"> - Đã được quy hoạch chương trình xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 - Có kế hoạch và triển khai xây dựng bãi thu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn đầu tư của cấp trên còn chậm - Chưa triển khai vận động người dân

gom rác thải tại địa phương

đóng góp xây dựng bãi chứa rác

2.4. Tổ chức xã hội/ Chính quyền

I-Điểm mạnh:	II-Điểm yếu:
<ul style="list-style-type: none">- Xã có 300 đảng viên với 26 chi bộ và 5 tổ chức chính trị xã hội-Có Trung tâm học tập cộng đồng-Có 3/22 nhà văn hóa của xóm--Có Quy chế hoạt động của 22 xóm thuộc 4 thôn-Có xây dựng quy chế làm việc hành chính một cửa; quy chế quản lý tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đồng bộ giữa các ngành.-Thành lập BCHPCLB của xã với mạng lưới đến các xóm có phân công cụ thể-Tinh thần đoàn kết của người dân rất tốt-Có phương tiện cứu hộ-Có hệ thống thông tin cảnh báo 22 cụm loa /22 xóm.- Xây dựng các quỹ như quỹ vì người nghèo và thường xuyên hỗ trợ cho các gia đình nghèo, gia đình khó khăn nhân dịp lễ, Tết	<ul style="list-style-type: none">-Cán bộ thuộc các tổ chức xã hội không có phụ cấp-Tệ nạn xã hội ở giới thanh niên: 13 người-Xã không có nguồn thu từ các dịch vụ kinh doanh-Người lao động thiếu vì bỏ quê đi làm thuê ở nơi khác-Không có các dự án đầu tư về kinh tế- Cán bộ xã ít có cơ hội được tập huấn nâng cao trình độ . Đặc biệt chưa được tập huấn về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.
III-Cơ hội:	IV-Thách thức:
<ul style="list-style-type: none">- Phát triển ngành nghề tiểu thủ công như mây tre, may, đan, móc sợi- Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, phát triển kinh tế biển- Được tổ chức phát triển cộng đồng nghiên cứu triển khai dự án	<ul style="list-style-type: none">- Việc làm cho thanh niên- An toàn giao thông- Vốn cho sản xuất- Chuyển đổi sản xuất- Lực lượng trẻ, khoẻ đi làm ăn xa, nên khi có gió bão không có lực lượng xung kích.

3. Đề xuất các vấn đề cấp thiết:

3.1. Về sinh kế:

Hiện nay do tình hình sâu bệnh hại lúa nhiều, bên cạnh đó giá thành của thuốc bảo vệ thực vật còn cao lại thêm vào đó là tình hình giá cả nông sản lại thấp và chưa ổn định, chăn nuôi gia súc, gia cầm chưa có lãi bởi vì thiên tai dịch bệnh luôn xảy ra

thình thoảng lại còn bị tư thương ép giá là những vấn đề cấp thiết cần phải có giải pháp giải quyết sớm để người dân an tâm sản xuất, ổn định cuộc sống.

Hầu hết người dân trên địa bàn xã sống bằng nghề nông với tỉ lệ 90% hộ gia đình chỉ trồng lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm và. Nuôi trồng thủy sản chiếm 6%, khai thác thủy hải sản 3%, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 1%. Số còn lại trong lúc nông nhàn rời khỏi địa phương đi làm thuê. Với thu nhập bình quân mỗi người 20 triệu đồng/năm. Ngoài thời gian làm nông nghiệp, thời gian nông nhàn người dân phải xoay xở làm thêm nghề phụ

Về chính sách hỗ trợ nông dân, Chính quyền địa phương luôn tích cực trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện để người dân vay vốn từ các ngân hàng

3.2. Về điều kiện sống:

Về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, Đảng ủy - UBND xã luôn quan tâm chỉ đạo và triển khai tốt công tác cải tạo đầu tư xây mới để đáp ứng nhu cầu của địa phương như hệ thống dong xóm được bê tông hoá 100% (nguồn vốn do dân đóng góp), quy hoạch bãi xử lý rác thải, quy hoạch đất cho 22 xóm xây dựng nhà văn hoá.

Đa số các hộ gia đình vứt rác và xác súc vật, nước thải, chất thải sinh hoạt của người và vật nuôi, chăn nuôi, nước thải sinh hoạt dân cư xuống kênh mương, trong khi đó kiến thức về nước sạch, vệ sinh môi trường của người dân còn hạn chế, điều đó là nguyên nhân có thể gây ra các dịch bệnh, nhất là vào mùa mưa, lũ. Ngoài ra vấn đề ô nhiễm không khí do bụi từ việc phơi, đốt rơm rạ trên các trục đường, dong khắp các thôn trong xã đã gây ảnh hưởng đến tình hình sức khỏe của người dân.

3.3 .Nguy cơ rủi ro do thiên tai:

-Tình trạng thiếu thông tin cảnh báo hiểm họa, thiên tai khiến người dân thiếu ý thức trong việc phòng chống thiên tai, trong khi hệ thống loa đài truyền thanh của xã tuy phủ đều các xóm trong thôn nhưng chất lượng chưa đảm bảo, công suất thấp nên những vùng xa trung tâm đều không tiếp cận được. Đồng thời nhận thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa của người dân còn thấp.

Ngoài các vấn đề nêu trên, tình trạng tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội như tiêm chích ma túy vv... cũng là những mối quan tâm của không ít người dân tại địa phương

4.Phân tích hiểm họa và thảm họa

4.1 Các loại hiểm họa tự nhiên và xã hội

Hàng năm xã thường xuyên đối mặt với những thiên tai rủi ro hiểm họa như: Bão lụt, rét hại, giông sét, triều cường, hạn hán, lốc xoáy cùng những hiểm họa tự nhiên và xã hội thường xảy ra tại xã Giao Long là tai nạn giao thông và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; Ô nhiễm môi trường và nguồn nước.

BẢNG XẾP HẠNG CÁC VẤN ĐỀ BỨC XÚC

Vấn đề	Cụm 1 Xóm 1-6	Cụm 2 Xóm 7-10	Cụm 3 Xóm 11-16	Cụm 4 Xóm 17-22	Xếp hạng Toàn
---------------	--------------------------	---------------------------	----------------------------	----------------------------	------------------------------

					xã
Ô nhiễm môi trường gây dịch bệnh cho người và vật nuôi		1	1	1	1
Bão, lụt	3		3	2	4
Tệ nạn xã hội	2		2		3
Hệ thống cầu cống tại các xóm, thôn xuống cấp (đây là TTDBTT)		4			5
Thiếu kiến thức về trồng trọt chăn nuôi (đây là TTDBTT)		3			6
Thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất trong ngành y tế và giáo dục (đây là TTDBTT)		5			8
Thiếu nước sạch (đây là TTDBTT)		2			7
Hệ thống sông rạch bị ách tắc dòng chảy	1				2

Các vấn đề cộng đồng quan tâm có sự khác biệt giữa các thôn do điều kiện sống và nhận thức của cộng đồng cũng như lịch sử và mức độ tác động của các hiểm họa trong lịch sử. Về các hiểm họa tự nhiên người dân quan tâm nhiều nhất là ô nhiễm môi trường do điều kiện về kinh tế như chủ yếu là trồng lúa nên phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, không có bãi rác tập trung nên người dân xả chất thải ra sông, rạch, kênh mương. Đặc biệt Giao Long là xã thuộc vùng trũng của huyện và là xã cuối nguồn nên các chất thải nguy hại trôi theo dòng nước về tích tụ tại đây nên làm cho môi trường càng thêm ô nhiễm nặng hơn. Bên cạnh đó là việc xả bần từ đồng ruộng cũng gây tình trạng ô nhiễm nguồn nước trầm trọng;

Mong muốn cần được ưu tiên giải quyết để đời sống của người dân được nâng cao, hạn chế các dịch bệnh cho cả người và vật nuôi bởi nguồn nước bị ô nhiễm.

4.2. Tác động, thiệt hại chính

***Nhóm người dễ bị tổn thương:** Người khuyết tật, người già, trẻ em, phụ nữ có thai, ngư dân khai thác hải sản, người dân sinh sống những vùng hiểm họa như ven đê biển.

Các tác động chính do hiểm họa tự nhiên chủ yếu là bão lũ gây ra các rủi ro làm mất sản lượng lúa, nhà ở ngập, tốc mái; chết đuối, giao thông đi lại khó khăn; dịch bệnh, chết gia súc gia cầm; nguồn nước bị ô nhiễm.

Qua thảo luận với các nhóm dễ bị tổn thương được tham gia khảo sát đánh giá gồm: 20 phụ nữ nghèo, 20 người sống trong vùng rủi ro, 20 người có thu nhập thấp, 10 người khuyết tật và 20 học sinh; Mỗi quan tâm và tình trạng dễ bị tổn thương của các nhóm như sau:

1. Nhóm trẻ em:

Hiểm họa	TTDBTT	Mong muốn/ phòng ngừa	Các rủi ro
Bão	Lo sợ khi có giông bão	Không có thiên tai Cộng đồng an toàn không xảy ra thiên tai Được Thầy, Cô hướng dẫn cách phòng ngừa ứng phó thảm họa thiên tai. Khi đến mùa mưa, lũ lớn khi đi học mang theo áo mưa ,áo phao (được trường cấp) hoặc người nhà trang bị.	Gây đổ nhà cửa, cây xanh , cột điện ngã xuống nhà, xuống kênh làm chết cá và chết người
Dịch bệnh	Tỉ lệ học sinh mua BHYT học đường chưa cao	Có thuốc tiêu trùng khử độc Điều chỉnh chế độ trong việc khám chữa bệnh BHYT đối với học sinh	Dịch bệnh Chi phí điều trị bệnh cao

2. Nhóm người sống trong vùng rủi ro

Bão	Vỡ đê, sập nhà, tốc mái Đê dự phòng không tác dụng	Gia cố đê Gia cố cửa cống Xây dựng nhà chống bão	Tài sản mất trắng Sập nhà, tốc mái
Ô nhiễm môi trường	Úng nước, hệ thống cống hứng chịu toàn bộ rác thải súc vật	Dân đồng tình việc xây dựng bãi rác Nên có giải pháp khử nước của giếng khoan	Bệnh ung thư (xóm 19 chết khoảng 15 người/2 năm do ung thư gan phổi) ngày xưa không có bệnh như ngày nay

3. Nhóm phụ nữ nghèo

Bão	Ảnh hưởng vụ mùa năm 2012 Nhà cửa bị tàn phá	Hỗ trợ giống cây trồng và hỗ trợ giá Hỗ trợ phát triển ngành nghề phụ mây tre đan Tăng cường hỗ trợ hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi trồng trọt	Mất mùa, giảm năng suất Sập nhà, tốc mái Vỡ đê
Dịch bệnh	Bệnh phụ khoa, bệnh khớp, bệnh thần kinh	Có chương trình khám và cấp phát thuốc miễn phí	Lây lan bệnh truyền nhiễm
Ô nhiễm	Kênh rạch có nhiều rác thải Rác thải từ nơi khác đổ về	Có nước máy để sử dụng Có nơi tập trung rác thải Ngăn chặn rác thải từ thượng nguồn	Mắc các bệnh lây lan từ nguồn nước như bệnh phụ khoa

môi trường	Ý thức người dân chưa cao trong việc xử lý rác thải và đồ sinh hoạt trong gia đình, xác súc vật như vịt, gà, ... chết bao bì các loại vứt xuống sông, và chôn thả vịt bừa bãi trên kênh mương	Nhà nước đầu tư hệ thống nước máy hoặc hướng dẫn xây dựng hệ thống xử lý nước của các giếng khoan cho toàn thể nhân dân trong xã Tăng cường hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi	
4. Nhóm thu nhập thấp và người khuyết tật			
Nghèo đói	Bệnh tật	Được chữa bệnh, thoát nghèo được trợ cấp của xã hội Được hỗ trợ tiền chữa bệnh chạy thận, ung thư Nâng cao nguồn trợ cấp xã hội đối với người tàn tật cô đơn	Nhiều người mắc bệnh hiểm nghèo

4.3.Các xu hướng:

4.3.1. Những xu hướng thay đổi:

- Trước tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai thảm họa ngày càng diễn biến phức tạp, thời tiết thay đổi bất thường khó cảnh báo trước làm ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống người dân nhưng kiến thức về BĐKH chưa được phổ biến rộng rãi sẽ làm tăng tình trạng tổn thương trong thời gian tới .

- Tình trạng mưa bão bất thường cộng với đất nhiễm phèn sẽ làm tăng tình trạng mất mùa, giảm năng suất, mưa liên tục kèm theo giông lốc cũng là nguyên nhân chính làm cho lũ rút muộn và chậm hơn, làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và năng suất .

-Nhiều kinh nghiệm dân gian không còn phù hợp; người dân cần nâng cao nhận thức và phải được hướng dẫn để phòng ngừa, ứng phó thiên tai - thảm họa, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4.3.2 Những mong đợi về khả năng thích ứng

- Người dân cần được cải thiện cuộc sống, tạo việc làm tăng thu nhập, có điều kiện và khả năng tích lũy, có đủ lương thực, thực phẩm, nước sạch để sử dụng khi có thiên tai, thảm họa xảy ra.

- Có nhà ở an toàn, môi trường sống tốt hơn, phương tiện, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa được trang bị đầy đủ, thích nghi và sẵn sàng ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Được tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.

- Cần có nguồn lực đầu tư nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước. Đặc biệt chú trọng đầu tư nâng cấp các trang bị phương tiện cứu hộ, lập các bảng báo nhằm đảm bảo an toàn cho người dân và học sinh đi trên đường.

4.4. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương/khả năng và rủi ro của cộng đồng trong phòng chống thiên tai, thảm họa.

4.4.1. Bảng tổng hợp TTDBTT và khả năng

	Tình trạng dễ bị tổn thương	Khả năng	Rủi ro, thiệt hại
Loại hiểm họa: Bão lụt			
Sinh kế	<ul style="list-style-type: none"> + 90% người dân trồng lúa, dễ bị ảnh hưởng bởi bão lũ. + Vụ mùa từ T6-T10, Bão từ tháng T5-T10 thường xuyên gây thiệt hại. + Khai thác thủy, hải sản: chiếm 3% thường xuyên chịu ảnh hưởng + Hệ thống thủy lợi nội đồng còn kém, do dân tự góp + Cao trình đê thấp làm ảnh hưởng trực tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống cơ sở vật chất của địa phương cơ bản được đầu tư, cải tạo, xây mới + Chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi + Người dân thường xuyên theo dõi nắm bắt thông tin kịp thời, chính xác + Chuẩn bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn 	<ul style="list-style-type: none"> + Thiệt hại mùa màng (Bão số 8 thiệt hại 20% diện tích lúa chưa gặt kịp) + Khu ao đầm bị ngập lụt + Sạt lở đê bao, bờ đầm + Mất rừng sú vẹt, rừng thông, nghề làm muối
Điều kiện sống cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà tạm bợ (mái rạ, nhà mái ngói không vững chắc): chiếm tỷ lệ 6%. + Nhiều đoạn đường bị xuống cấp, + Mỗi xóm có 3-5 cầu bị xuống cấp, hư hỏng + Đường phía đông làng từ xóm 2 – xóm 17, dài 	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà kiên cố (mái bằng trờ lên): chiếm tỷ lệ 20% + Bà con có ý thức chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão + 100% đường xóm được bê tông hóa . + Số km đường trục: 4.5km; đường dọc xóm: 28 km + Có 7 cầu bê tông lớn xe 16 chỗ ngồi ra vào được. + 70% hộ có xe máy sử dụng + 95% các hộ có tivi, radio 	<ul style="list-style-type: none"> + Chết người + Sập nhà + Tốc mái nhà

	<p>khoảng 1 km bị hư hỏng do nước sông chảy làm sạt lở bờ sông.</p> <p>+ Đường ra vào xã chỉ có 1 con đường</p> <p>+ Thiếu lương thực phẩm, đời sống người dân khó khăn.</p>	<p>theo dõi thông tin thời tiết, thiên tai thường xuyên.</p>	
Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội	<p>+ Trẻ em không có nơi tập bơi do sông ngòi ô nhiễm</p> <p>+ Đội thanh niên xung kích không được tập huấn thường xuyên về phòng chống lụt bão</p> <p>+ Chính quyền không hỗ trợ người dân trong việc chuẩn bị lương thực, thực phẩm trước mùa mưa bão</p>	<p>+ Được Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tập huấn về kỹ thuật chằng chống nhà cửa</p> <p>+ Chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm của Hội cựu chiến binh, biên phòng, chữ thập đỏ (1 năm 5 căn),</p> <p>+ Có hệ thống loa truyền thanh</p> <p>+ Người dân có ý thức theo dõi tin tức thời tiết, thiên tai trên 4 kênh phát thanh truyền hình</p> <p>+ Người dân có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm trước mùa mưa bão</p>	
Tổ chức xã hội, chính quyền		<p>+ Có lực lượng xung kích tham gia phòng chống lụt bão</p>	
Loại hiểm họa: Nhiễm mặn			
Sinh kế	<p>+ 90% người dân trồng lúa, dễ bị ảnh hưởng bởi sự nhiễm mặn</p> <p>+ Vụ chiêm từ T1-T5, nhiễm mặn do thâm thấu diễn ra mạnh từ T12-T3.</p> <p>+ Vụ mùa từ T6-T10, nhiễm mặn do gió Nam từ T5-T6</p> <p>+ Công thoát nước không kín tạo điều kiện cho nước mặn thâm</p>	<p>+ Người dân được hướng dẫn chuyển đổi sang các giống lúa BT-Thái Bình</p> <p>+ Được hướng dẫn kỹ thuật tháo nước, thau chua rửa mặn làm giảm độ mặn của đất.</p> <p>+ Biết cách sử dụng vôi bột để làm giảm độ mặn của đất.</p> <p>+ Mở rộng vùng nuôi trồng thủy sản nước mặn.</p>	<p>+ Cây trồng bị chết</p> <p>+ Chăn nuôi sụt giảm chất lượng</p>

	thâu		
Điều kiện sống cơ bản	+ 95% hộ dân sử dụng giếng khoan dùng cho sinh hoạt		
Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội	+ Cao trình đê thấp, những ngày triều cường cao, nước biển tràn qua đê vào đồng ruộng		
Tổ chức xã hội, chính quyền			
Loại hiểm họa: Ô nhiễm môi trường			
Sinh kế	+ Vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật không đạt chuẩn vứt bừa bãi sau khi sử dụng + Chất thải chăn nuôi, sản xuất đồ thăng ra sông, kênh + Là vũng trũng cuối sông bị dôn các loại rác thải, xác súc vật từ các xã khác về. + Chai, lọ thuốc trừ sâu vứt bừa bãi sau khi sử dụng		+ Nguồn nước sinh hoạt ô nhiễm. + Không khí ô nhiễm + Rác thải bừa bãi khắp nơi. + Dịch bệnh gia súc, gia cầm + Dịch bệnh ngoài da, tiêu hóa với con người.
Điều kiện sống cơ bản	+ Trạm y tế xã chỉ chữa được bệnh thông thường, các ca nặng phải chuyên lên bệnh viện huyện. + Không có xe chuyên viên, người dân phải tự túc phương tiện. + Chỉ có dưới 10 hộ gia đình có tủ thuốc gia đình + Chưa có bãi thu gom, xử lý rác thải + Xã chưa có nước máy sử dụng + 40% nhà vệ sinh chưa đạt	+ Có 1 trạm y tế xã, có 6 nhân viên (1 bác sỹ, 1 y sỹ, 1 nữ hộ sinh, 1 dược tá, 1 điều dưỡng, 1 đông y. + 22 xóm đều có y tá xóm. + Trạm y tế có 9 phòng chức năng, trang thiết bị tương đối đầy đủ do được tài trợ từ hội đồng hương xã tại thành phố Hồ Chí Minh. + 98% trẻ em được tiêm chủng theo chương trình quốc gia + Xã có 2 cửa hàng dược phẩm đăng ký chính thức + 60% nhà vệ sinh tự hoại + Trường học có chương trình tuyên truyền cho học sinh sử dụng xà phòng, rửa tay trước khi ăn, tắm rửa vệ sinh	

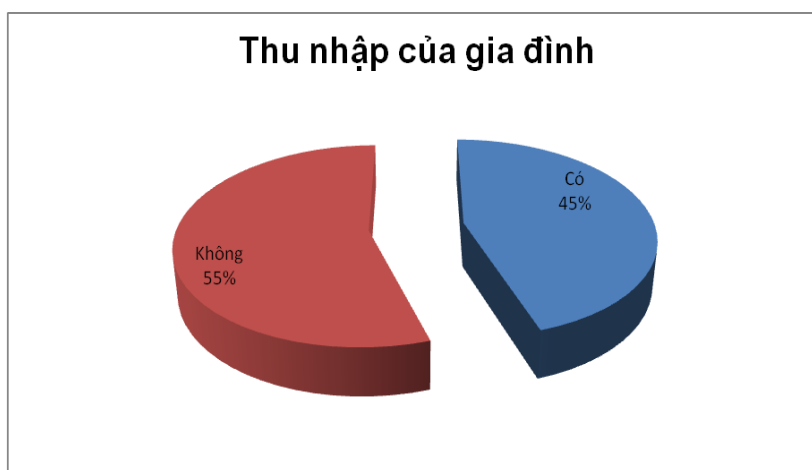
	chuẩn + Ý thức của người dân chưa tốt, xả rác bừa bãi.	+ 100% hộ có bể chứa 5-7 khối đủ chứa nước mưa dùng cả năm (như câu 3 khối/hộ/ năm) + 95% các hộ có phương tiện tivi, radio, thường xuyên theo dõi tin tức dịch bệnh	
Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội	+ Ý thức của người dân chưa tốt, xả rác bừa bãi dù đã được chính quyền địa phương tuyên truyền, nghiêm cấm.	+ Dự kiến xây dựng bãi thu gom xử lý rác thải của xã (trị giá 1 tỷ đồng) + Đang xây dựng quy chế về đội thu gom xử lý rác thải tại các thôn	
Tổ chức XH, CQ quyền		+ Chính quyền ngăn cấm, phạt nếu đổ rác bừa bãi	

4.4.2 Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương:

+ Về sinh kế, thu nhập:

Trên 90% hộ gia đình sản xuất lúa, hoa màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm với thực trạng giá cả vật tư, phân bón, con giống, cây giống, thuốc,.. ngày càng tăng; chi phí sản xuất và tiền thuê nhân công cao, thường xuyên bị thiệt hại do chuột cắn phá, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, dịch bệnh, nhiễm phèn vào mùa mưa...

Đối với các hộ dân không có đất để sản xuất, không có nghề nghiệp ổn định chỉ làm thuê mướn theo vụ mùa thu nhập không ổn định, không tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi hỗ trợ chăn nuôi, buôn bán nhỏ lẻ ... thu nhập hàng ngày chủ yếu làm thuê, mướn và thường xuyên không có việc làm vì không có người thuê, số lượng làm thuê ngoài tỉnh vẫn còn đông.



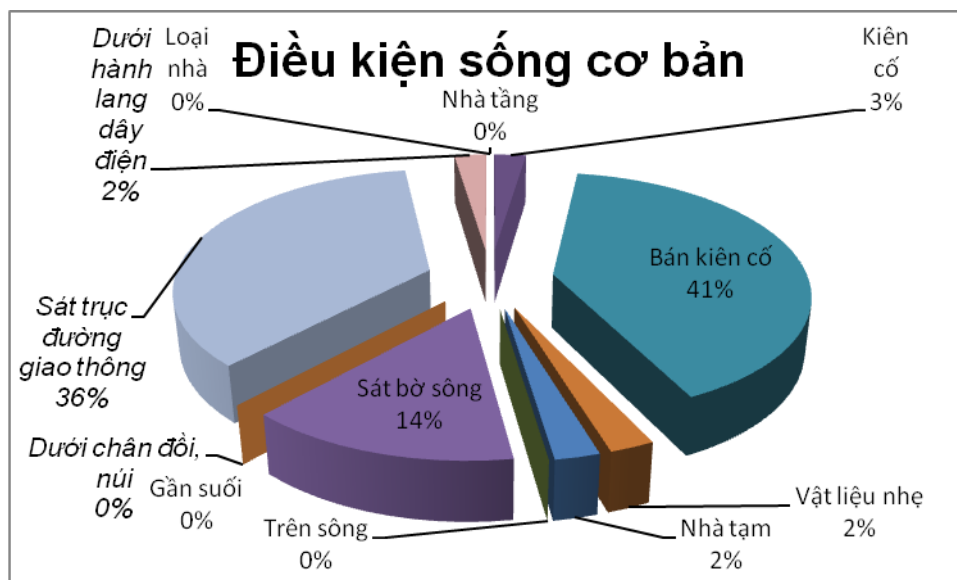
+ Điều kiện sống cơ bản:

Được sự quan tâm của chính quyền và các ngành đã làm chuyển biến nhất định về nhận thức của người dân trong việc bảo vệ sức khỏe, bảo vệ cuộc sống, bảo vệ môi

trường. Tuy nhiên việc xả rác bừa bãi tại các khu dân cư cũng là nguyên nhân làm cho dịch bệnh tồn tại dễ bùng phát dịch bệnh khi có điều kiện.

Việc xử lý chất thải, rác thải và vệ sinh môi trường chưa tốt, chưa có đội thu gom rác. Đa số các hộ gia đình xả rác xuống sông, mương quanh nhà dẫn đến môi trường bị ô nhiễm từ nước thải, chất thải trong chăn nuôi, trong sinh hoạt, xác chết súc vật phân nào làm ảnh hưởng tới sức khỏe và môi trường sống .

Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm do tình trạng rác thải, phân, xác súc vật và vịt chạy đồng đã làm tăng tình trạng ô nhiễm,

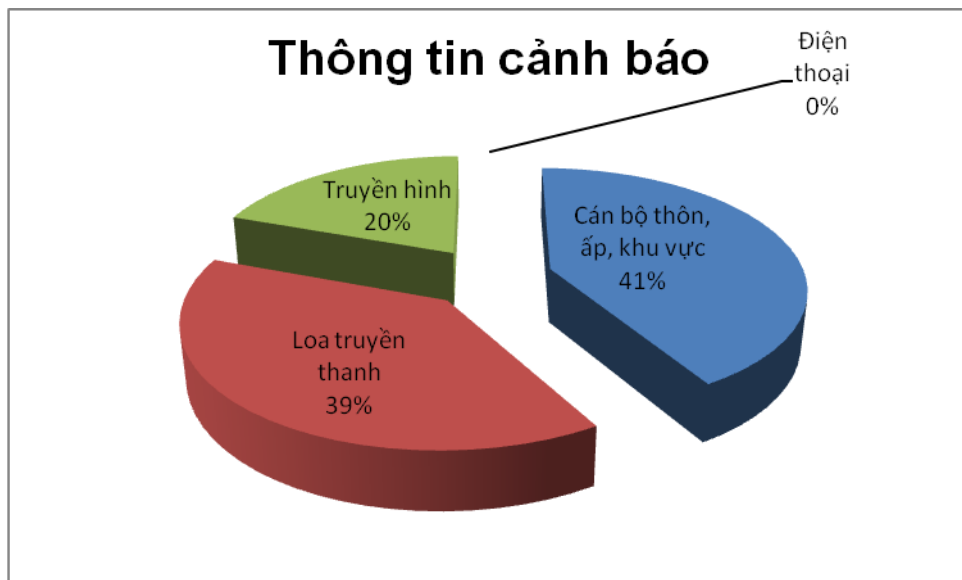


+ Tự bảo vệ và bảo vệ xã hội:

Toàn xã hiện có 237 hộ nghèo và 141 hộ cận nghèo chiếm 14,20%, một số hộ đang sinh sống ở nhà tạm, nhà bán kiên cố, không ít nhà ở trong tình trạng xuống cấp, hư hỏng rất nguy hiểm khi có bão gió. Trong xã tại 03 điểm trường phụ vẫn chưa có rào chắn bảo vệ rất nguy hiểm cho các cháu học sinh trong mùa mưa lũ.

Hệ thống cảnh báo sớm về thiên tai của xã chưa được đầu tư, mạng lưới loa truyền thanh trong xã còn thiếu, chất lượng không đảm bảo... ảnh hưởng đến việc thông tin cảnh báo các thiên tai sắp xảy ra để người dân chủ động né tránh, tự bảo vệ hoặc sơ tán kịp thời.

Phương tiện ứng phó thảm họa cho cộng đồng và người dân còn thiếu thốn, nhiều hộ dân chưa có phương tiện bảo hộ cần thiết như: phao, áo phao, thuyền... để di chuyển trong lũ.



+ Tổ chức xã hội, quản lý nhà nước:

Các thành viên trong Ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của xã chưa có sự phối hợp chặt chẽ, chưa được tập huấn thường xuyên về kiến thức phòng ngừa ứng phó- tìm kiếm cứu hộ cứu nạn.

4.4.3. Về khả năng

Người dân có tư thế chuẩn bị và tham gia cùng với chính quyền địa phương gia cố đê bao, chuyển đổi thời gian xuống giống.

Đại bộ phận người dân đều có phương tiện nghe nhìn; có quan tâm đến các mối nguy hại do thiên tai, thảm họa, có tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Đảng ủy, Chính quyền, Mặt trận và các ban, ngành, đoàn thể của xã quan tâm đến các hoạt động phòng ngừa ứng phó thảm họa, chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống lụt, bão với phương châm “4 tại chỗ”.

Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của xã được kiện toàn hàng năm. Tập trung chỉ đạo tu sửa các hệ thống đê bao, các tuyến đê xung yếu, các đường nước tưới tiêu, tu sửa hệ thống cống, trạm bơm điện, các cầu bảo đảm giao thông đi lại.

- Điều tra nắm các phương tiện như: xe ô tô vận tải, xe ba gác, xe máy vv...trong nhân dân để có bước chuẩn bị phương tiện để di dời nhân dân khi có lũ lớn xảy ra và khi có lệnh điều động cứu hộ, cứu nạn đột xuất.

- Điều tra lại các hộ nghèo, có danh sách cụ thể để có kế hoạch cứu trợ đảm bảo cuộc sống của người dân (khi có thiên tai khẩn cấp).

- Hội CTĐ củng cố lực lượng tình nguyện, tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, Thành lập các đội cứu hộ ở nơi xung yếu để kịp thời cứu hộ khi có tình huống xấu xảy ra. Phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức vận động quyên góp khi có thiên tai và lên phương án cứu trợ những vùng đặc biệt khó khăn,

5.Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro:

ST T	Nguy cơ rủi ro/vấn đề cấp thiết đã xếp hạng(mức độ thiệt hại và nguy hiểm)	Các yếu tố làm tăng rủi ro (nguyên nhân)	Cách khắc phục (Các giải pháp giảm thiểu rủi ro)	Các hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai làm	Mức độ cấp thiết, thời gian tiến hành	Các nguồn lực
1	Ô nhiễm môi trường gây dịch bệnh cho người và vật nuôi	- Do ý thức của một số người dân chưa cao, thể hiện ra việc vứt rác thải, xác súc vật, vỏ chai thuốc trừ sâu bừa bãi ra sông, đồng ruộng và các nơi công cộng.	- Tuyên truyền nâng cao ý thức tự giác cho người dân không vứt rác thải bừa bãi.	- Họp dân, phát tờ rơi, treo panô ở các biển thông báo công cộng, loa truyền thanh thường xuyên để vận động người dân không vứt rác thải bừa bãi, bảo vệ môi trường.	- UBND - Các ban ngành - Xóm trưởng các xóm - Người dân	- Làm ngay	- Ngân sách của chính quyền xã
		- Chưa có bãi rác tập trung của xã và chưa có lực lượng thu gom rác chuyên về bãi tập trung .	- Xây dựng bãi chứa rác tập trung và thành lập tổ, đội thu gom rác hoạt động thường kỳ	- Nhanh chóng hoàn thiện và đi vào hoạt động bãi rác tập trung và tổ, đội thu gom rác hoạt động thường xuyên	- UBND - Ban tài nguyên môi trường - Địa chính xã	- Làm ngay	- Chính quyền và nhân dân cùng đóng góp tham gia
		- Chính quyền chưa có quy định, chế tài trong việc xử lý người dân vứt rác thải và chất thải chăn nuôi ra dòng sông, môi trường và nơi công cộng.	- Xây dựng bổ sung quy chế, quy ước, hương ước trong việc xử lý những người vứt chai, lọ, rác thải, chất thải không đúng nơi quy định	- Chính quyền và các ban ngành của xã họp thống nhất xây dựng quy chế cụ thể từ xã xuống xóm đội, cơ sở sản xuất về việc xử phạt đối với các vi phạm liên quan tới việc vứt rác thải, bảo vệ môi trường	- UBND - Các ban ngành đoàn thể - Trưởng xóm	- Làm ngay	
		- Các khu chăn nuôi gia súc, gia cầm còn đan xen trong các khu dân cư	- Tách xa khu chăn nuôi ra khỏi vùng dân cư	- Quy hoạch đất, xây dựng vùng chăn nuôi để chuyển các trang trại và hoạt động chăn nuôi ra ngoài khu dân cư sinh sống.	- UBND - Địa chính - Hợp tác xã	- Làm ngay	- Kiến nghị cấp huyện, cấp tỉnh hỗ trợ ngân sách thực hiện

		- Các hộ gia đình chưa biết cách xử lý rác thải, chất thải chăn nuôi tại nhà gây sức ép nên tình trạng ô nhiễm môi trường chung của địa phương.	- Các hộ gia đình có phương án xử lý rác thải tại nhà.	- Hướng dẫn người dân cách đào hố, xây bể chứa để thu gom và tiêu hủy rác tại vườn nhà. - Vận động người dân xây hầm biôga trong vườn nhà để xử lý chất thải chăn nuôi.	- Tài nguyên môi trường - Người dân	- Làm ngay	- Hộ gia đình, đề nghị ngân hàng chính sách xã hội hỗ trợ cho vay vốn
2	Hệ thống sông bị ô nhiễm và tắc dòng chảy	Chưa có điểm thu gom rác	Tổ chức thu gom và xử lý rác	Quy hoạch bãi xử lý rác tập trung và tại các dong Thông qua hương ước về đóng góp cho việc thu gom và xử lý rác Mua xe thu gom rác và quần áo bảo hộ Thuê người Phân công cho trưởng xóm chịu trách nhiệm trực tiếp về thu gom rác tại dong	UBND xã Thôn xóm và UBND xã UBND xã	- Làm ngay	
		Có giám sát về ô nhiễm môi trường nhưng chưa xử lý triệt để	Vận động cộng đồng không vứt rác xuống sông	Tổ chức tốt công tác tuyên truyền vận động để người dân hiểu về nguyên nhân và tình trạng ô nhiễm môi trường	Mặt trận, Đoàn thể và các tổ chức xã hội	Càng sớm càng tốt	Một phần ngân sách Đóng góp của dân: 3000/khẩu/
		Sông, kênh mương nhỏ	Nói rộng và nạo vét kênh mương	Họp dân thống nhất đóng góp đất và tiền Kêu gọi nguồn đóng góp tự nguyện từ bên ngoài	UBND và nhân dân Mặt trận tổ quốc thôn,	Càng sớm càng tốt dựa trên khả năng về tài	Nhà nước: 70% Nhân dân: 30%

				Tổ chức bảo vệ kênh mương	xã, huyện Chính quyền và người dân	chính	
		Nuôi vịt trên sông	Khuyến khích nuôi vịt tại gia	Đã đưa vào quyết định của xã không cho nuôi vịt trên sông (giải tỏa vào thời gian mưa bão để đảm bảo lưu thông dòng chảy)	Bảo vệ xã, công an, trưởng thôn/xóm (chỉ dẫn đường)		Bà con không chấp hành vì coi đây là sinh kế
		Khả năng tiêu thoát nước trong bão và lụt của các công trình thủy lợi kém	Xây đập tràn ở cống sông Kỹ niệm, đoạn giao giữa xã Giao Long và xã Bạch Long		Công ty khai thác công trình thủy lợi huyện		Cần khoảng 2.7 tỷ đồng

9. Kết luận và đề xuất với chính quyền địa phương:

9.1. Nhận xét, đánh giá:

Thông qua việc tổ chức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA) giúp cho người dân địa phương nâng cao nhận thức về các rủi ro của thảm họa, thực trạng tình hình của địa phương về tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng; xác định những vùng nguy cơ cao khi có thiên tai xảy ra, những đối tượng dễ bị tổn thương, xác định những vấn đề bức xúc của cộng đồng và các biện pháp giảm thiểu rủi ro; Qua khảo sát, đoàn có một số nhận xét:

1. Một số hộ dân có đời sống còn khó khăn do thiếu việc làm và thu nhập không ổn định và nguy cơ tỷ lệ hộ nghèo gia tăng.
2. Nguồn nước sử dụng chủ yếu từ các giếng khoan nhưng không được xét nghiệm và xử lý trước khi sử dụng, nguồn nước mưa đã được hầu hết người dân xây dựng bể chứa.
3. Thời tiết không thuận lợi bởi mưa bão và thay đổi bất thường nên dẫn đến dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi như bệnh tụ huyết trùng trên gia súc gia cầm, sâu, rầy làm tăng chi phí sản xuất, giảm thu nhập của người dân.

4. Tai nạn giao thông gia tăng làm chết người và bệnh tật suốt đời để lại gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Ngoài những thảo luận và đề xuất của người dân trong kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thảm họa trên, đoàn đánh giá kiến nghị với chính quyền và các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương một số đề xuất sau:

1. Về sinh kế, an ninh lương thực:

- Duy trì sản xuất lúa 2 vụ, phát triển thêm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nhằm tạo công ăn việc làm cho các hộ dân vào lúc nông nhàn đồng thời mở rộng diện tích nuôi trồng thủy hải sản và phát triển chăn nuôi.

- Mở các lớp dạy nghề gắn với việc làm cụ thể tại địa phương để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập đảm bảo ổn định cuộc sống (nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo). Bên cạnh đó cũng đảm bảo nhân lực cho địa phương trong công tác phòng ngừa ứng phó thiên tai.

- Phát triển các dịch vụ tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Các tổ chức đoàn thể như Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và Hội Nông dân thực hiện việc trợ giúp vốn theo hình thức tín chấp cho người lao động nghèo chăn nuôi, sản xuất để giải quyết việc làm trong thời gian nông nhàn.

2. Về điều kiện sống cơ bản:

- Đầu tư nâng cấp các tuyến lộ giao thông để tạo điều kiện cho nhân dân và các em học sinh đi lại dễ dàng nhất là trong mùa mưa bão.

- Đề nghị các Ban, ngành đoàn thể như: Mặt trận tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ thường xuyên tổ chức các cuộc sinh hoạt và tuyên truyền vận động người dân cùng tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới.

- Cần tổ chức và hướng dẫn người dân thực hiện xét nghiệm và xử lý nước tại các giếng khoan đồng thời cần tuyên truyền về việc bảo quản, bảo vệ nguồn nước để sử dụng.

- Xây dựng các mô hình thí điểm về xử lý rác thải, rác bảo vệ thực vật để hướng dẫn và phát động người dân tham gia, đồng thời cần có biện pháp giải quyết triệt để tình trạng xả rác thải bừa bãi trên các kênh mương

3. Về tự bảo vệ và bảo vệ xã hội:

- Tăng cường tuyên truyền về an toàn giao thông và cần có biện pháp xử phạt cứng rắn để người dân nghiêm chỉnh chấp hành. Cần có các biển báo và thường xuyên kiểm tra xử phạt để giảm tình trạng rủi ro và tai nạn.

- Tuyên truyền giáo dục người dân và các cháu học sinh đề phòng các tai nạn khi tham gia giao thông.

- Hướng dẫn và trang bị phương tiện phòng chống thiên tai thảm họa cho cộng đồng hàng năm và trước khi thiên tai thảm họa xảy ra, sử dụng hiệu quả các trang thiết

bị trong công tác cứu hộ, cứu nạn; tổ chức tập huấn thường xuyên các kỹ năng đã được học cho lực lượng xung kích, tình nguyện viên.

- Nâng cao kiến thức về rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ và các tổ chức xã hội, đoàn thể để nâng cao nhận thức và kiến thức cho người dân áp dụng trong sản xuất, tự bảo vệ.

- Tăng cường năng lực ứng phó thiên tai thảm họa; cung cấp kỹ năng, kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn, phương tiện cứu hộ cho các cấp như thuyền máy, phao cứu sinh, áo phao, tổ chức dạy bơi cho trẻ em và người chưa biết bơi,...

- Các ngành chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra, tuyên truyền và củng cố tăng cường hệ thống cảnh báo, loa truyền thanh để đảm bảo thông tin được đến 100% người dân.

4. Về tổ chức xã hội và chính quyền:

- Ngoài việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống lụt bão, địa phương cần trang bị kiến thức, kỹ năng, phương tiện, thiết bị phòng ngừa, ứng phó thảm họa đối với các đội xung kích và thành viên Ban PCLB xã. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến thường xuyên, hiệu quả công tác đảm bảo an toàn giao thông đối với mỗi người dân và học sinh trên địa bàn.

- Xây dựng nhóm tình nguyện viên trong cộng đồng để làm nòng cốt trong công tác truyền thông, giáo dục, tham gia các chương trình phát triển nông thôn mới và phòng ngừa ứng phó thảm họa, thiên tai.

- Huy động sẵn trong cộng đồng các phương tiện vận chuyển, lương thực, thực phẩm, nước sạch để phục vụ cho công tác sơ tán trong tình huống khi có thiên tai và thảm họa xảy ra.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra và xử phạt đối với các hành vi làm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước.

- Vận động các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức xã hội thực hiện bảo vệ môi trường thông qua việc thường xuyên thu gom hoặc thu mua các vỏ, bao thuốc bảo vệ thực vật.

- Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội tăng cường công tác vận động nhân dân hưởng ứng chương trình phát triển nông thôn mới để giảm tính dễ bị tổn thương và các rủi ro nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản xuất, nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong cộng đồng.

- Tìm và tổ chức các ngành nghề để tạo việc làm ổn định tại địa phương cho người dân.

*** Nhóm đánh giá báo cáo và kính đề nghị:**

- UBND có kế hoạch tổ chức triển khai và thông tin lại với Cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc xã và các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, các chức sắc tôn giáo, các doanh nghiệp trong xã đồng thời có kế hoạch thực hiện các giải pháp trước mắt để giảm tình trạng dễ bị tổn thương của người dân.

- Riêng các giải pháp ngoài khả năng của địa phương, Chính quyền xã sẽ tiếp tục vận động chính quyền cấp trên và các tổ chức nhân đạo xã hội khác cùng tham gia đóng góp nguồn lực để thực hiện và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân trong kỳ họp gần nhất xem xét.

- Ban Điều hành dự án Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các nhà tài trợ xem xét, hỗ trợ các hoạt động cần thiết trong khuôn khổ dự án nhằm giảm nhẹ rủi ro trước tình hình biến đổi khí hậu đối với xã Giao Long huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định./.

Nơi nhận:

- TW Hội CTĐ Việt Nam;
- Hội CTĐ Mỹ tại Việt Nam;
- Hội CTĐ tỉnh Nam Định
- UBND, Hội CTĐ, Ban PCLB huyện Giao Thủy;
- UBND xã, Hội CTĐ xã Giao Long.

TM. NHÓM ĐÁNH GIÁ

Hoàng Thị Huyền

UBND XÃ GIAO LONG

UBND HUYỆN GIAO THỦY

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH NAM ĐỊNH

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: vfd.info@winrock.org